

THAILAND

ngày 18 tháng 4 năm 1992

Kính-gởi : Ông TU-VAN-BE Chu-Tích Hội Cựu Quân-Nhân QLVNCH. Tại OKLAHOMA

Kính thưa Ông Chu-Tích,

Hội quân, Cán, Chính Phanat Nikhom Thailand, chúng tôi đang trải cảm Thailand gồm nhiều sĩ quan cấp Trung-Úy, Thiếu-Úy đồng nhất là Công-Chức Hạ sĩ quan và binh-sĩ, đã rớt thanh lọc không được công nhận là người tỵ-nạn và một số ít chờ nghe kết quả thanh-lọc.

Quân, Cán, Chính ở Thailand rất nhiều vì lúc đầu chưa có kinh nghiệm khai, quá tin vào diện quân-Nhân, Công-Chức của chế độ Việt-Nam Cộng-Hòa là được đầu xem thường. Lý do bỏ nước ra đi, đó là một sự không biết rất tai hại. Nên anh em rất hối tiếc, hối hận vì phải đi một cuộc thi văn đáp tới quan trọng chỉ có một không hai trong cuộc đời, thế mà không biết một tý gì về ý người muốn hỏi.

Quân, Cán, Chính Thailand vô cùng buồn khổ, họ giống sống như người không hồn, vô vọng ở tương lai, pháp phòng lo sợ hình ảnh cường bức hội hướng ở Hồng-Kong sẽ đến với họ lúc nào đây, nu cười họ đã tắt hẳn trên môi, qua lo nghĩ về số phận, vô phúc của mình, mà nhiều người đã sinh ra nhiều chứng bệnh như: Tâm-Thần, lên máu, đau bao tử, đau tim v.v..

Chúng tôi rất khao, khát tình thương, sự an ủi, giúp đỡ tâm tình của Ông Chu-Tích về tinh thần cũng như vật chất. Chúng tôi tha thiết kêu cầu Ông Chu-Tích lấy lòng bác ái cứu chúng tôi bằng cách nói lên cho Thế-Giới biết rằng thuyền-nhân Việt-Nam hầu hết bỏ nước ra đi vì lý do Chính-Trị chứ không phải lý do Kinh-Tế. Nếu họ ra đi vì lý do kinh tế mà phải bỏ mạng dưới biển, chết ru trong rừng bỏ vợ, bỏ con, bỏ cả cha mẹ già, bỏ cả tài sản sự nghiệp do tổ tiên Ông Bà không biết phải chịu gian khổ bao đời để lại cho Công-Sản hành hạ, tịch thu sạch sành ít có người dám làm.

Kính thưa Ông Chu-Tích, chúng tôi rất sợ, sợ đến rụng mình, sợ đến tê tái cả lòng, khi phải bị cưỡng bức trở lại nơi mà chúng tôi đã liều chết ra đi, bây giờ phải bước trở lại Việt-Nam nhận cảnh tù tội, đói khát, không nhà, không nơi nương tựa, phải đi vụng kinh tế mới: đất trồng cây không sống, ruộng gieo lúa không lên, con-đò là áp ngay ngày lành hạ chửi bới giông gió điều ác để giết người.

Chúng tôi xin đại diện anh em trong Quân, Cán, Chính Thailand, tha thiết yêu cầu sự giúp đỡ của Ông Chu-Tích lấy lòng từ bi thương xót chúng tôi, đừng bỏ rơi chúng tôi.

Ông Chu-Tích là cái phao lớn mà chúng tôi bám víu và tin tưởng nhiều ở tương lai. Chúng tôi xin gởi đến Ông Chu-Tích và quý Anh Trong-Hội cùng gia quyến những lời kính chúc nồng nhiệt và đẹp nhất của chúng tôi.

Kính chào Ông Chu-Tích và quý Anh Trong-Hội

TM. QCC Phanat Nikhom Thailand

HỘI - TRƯỞNG

KIER - THI:

Chu-Tích Công-Đang Người-Việt

Tu-Van-Be Chu-Tích Hội Cựu Quân-Nhân QLVNCH

CHU - TICH

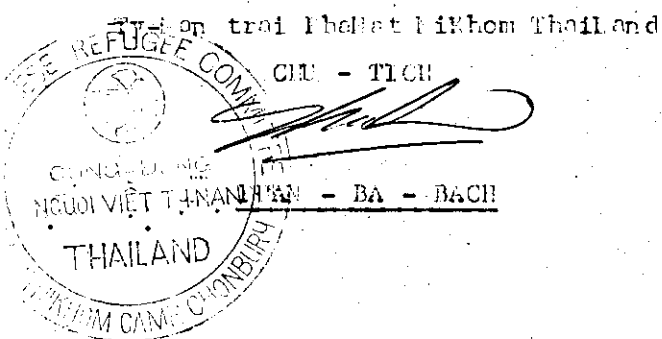
BA - BACH

HUA - VAN - XI

PST. 2381 # 2D26

"O" SECTION PHANAT NIKHOM
P.O. BOX 18 CHONBURY 20140

THAILAND



PHANAT NIKHOM CAMP

"D" SECTION

LIST OF VETERANS, EX- CIVIL SERVANTS AND EX-CADRES
(FIRST OUT-2 ND OUT)

ORDN	FULLNAMES	UN/ NO	DOB	RANK	SERIAL NO	MILITARY BRANG	SERVICE TIME	RE-ED- TIME	RELATIVES
01	TON THAT XUAN	1257	1942	1st-LT	12/085.160	Regional force	150 YEARS	16 MONTHS	1 Month
02	LE VAN VAN	631	1938	1st. LT	58/148.816	INFANTRY	10 YEARS	27 Months	1
03	CHAU QUYEN	706	1949	"	69/115.453	SECTOR	12 YEARS	63 Months	2
04	NGUYEN DUC SANG	984	1944	"	64/141589	Mil-trans portation	7 Years	33 Months	0
05	LY TAN TAI	727	1940	"	60/809809	Medical corp	14 Years	12 Months	0
06	LE VAN UT	951	1943	2ND-LT	157.708	Police	8 Years	60 Months	2
07	DO HUU TRI	960	06.3.46	"	124433	Police	9 Years	62 Months	5
08	PHAN THUAN VINH	601	27.12.53	"	73-147.317	Regional Force	3 Years	6 Months	2
09	PHAN C I THIEN	327	03.01.45	"	45/246.410		7 Years	3 Days	6
10	HA ANH DUNG	802	1949	W.O	69/142.182	AirBorne	8 Years	18 Months	0
11	NGUYEN NGOC KHUONG	507	1952	"	71/134.299	Infantry	5 Years	3 Days	0
12	NGUYEN VAN BA	600	1955	Cadet		Police Cadet	6 MONTHS	1 Month	3
13	HUYNH TU PHUONG	792	1944	Major Sergeant	64/600.204	Air Force	13 Years	60 Months	0
14	TRAN VAN NHA	8394	3.5.23	Sergeant 1st Class	90.15	Police	18 Years		3
15	NGUYEN KHANH THO	1360	22.11.45	"	65/601.739	Air Force	15 Years	3 Days	0
16	NGO VAN CAM	1135	15.6.46	"	66/101.141	Infantry	9 Years	1 Month	5
17	TRINH VAN TAO	117	04.5.42	"	62A/702.852	Navy	13 Years	15 Days	1
18	NGUYEN VAN THAM	1510	1948	"	68/147.437	Mil. Tech Directorate	8 Years	83 Days	3 Days
19	NGUYEN THE HIEU	525	1948	"	68/100.153	MilTelecom	6 Years		0
20	PHAM VAN TUANH	0669	3.3.54	Sergeant	74/116.454	Infantry	3 Years	2 Months	5
21	NGUYEN VAN THUC	0573	1.2.49	"	69/120.979		8 Years	5 Days	1
22	LE VAN HIEU	1331	1954	Seryeant	76/131.520	INfantry	1 Year	3 Days	0
23	NGUYEN DI CU	1890	25.8.54	"	74/125.858	Marine Corps	4 Years	6 Months	0
24	HO XUAN LOC	902	1951	"	71/126.360	Medical Corps	5 Years	3 Days	0
25	NGUYEN NGOC LAN	851	1952	Sergeant 10/2 Class	52/465.366	Regional Force	5 Years	3 Days	7

26	: DINH QUANG MINH	: 180	: 1955	: Sergeant	: Mil Tele Com	: 2 Years	: 3
27	: NGO DAU	: 606	: 1942	: Sergeant 1st Class 170028	: Police	: 8 Years	: 3 Months : 0
28	: HUA TRAC CUONG	: 503	: 1951	: " 4 101 101	: INFANTRY	: 6 Years	: 1 Month : 1
29	: PHAM VAN TIEU	: 874	: 1933	: " : 362.794	: Police	: 19 Years	: 3 Days : 4
30	: DO VAN THONG	: 917	: 1955	: Sergeant : 75/117.539	: Infantry	: 2 Years	: 4 Months 3 days 0
31	: DANG HUU DANH	: 704	: 1940	: Sergeant 1st Class 60/122.794	: Mil Finance-Admin	: 10 Years	: 14 Months : 0
32	: LE VAN MINH	: 1108	: 1956	: Giroir : 76/602.693	: Air Force	: 1 Year	: 3 Months : 0
33	: PHAM VAN THEM	: 1063	: 1951	: " : 71A/700.772	: Navy	: 7 Years	: 3 Months : 2
34	: VU VAN CUONG	: 737	: 1955	: " : 75602.662	: Air Force	: 3 Years	: 7 Months : 6
35	: LE VAN NHIEU	: 668	: 1953	: Corporal : 73/509.517	: Artillery	: 4 Years 4	: 4 Months : 1
36	: NGUYEN DINH HIEU	: 116	: 1944	: Corporal 1st : 64/104.075	: Mil Telecom	: 10 Years	: 5 Days : 2
37	: NGUYEN VAN KIEU	: 573	: 15.6.51	: Corporal : 71/512.026	: M.P Military Police	: 6 Years	: 30 Days : 1
38	: DINH VAN CUU	: 1322	: 28.12.47	: " : 67/808.138	: Mil Telecom	: 6 Years	: 3 Days : 0
39	: NGUYEN TAN PHO	: 476	: 1955	: Sergeant : 75/510.586	: Regional Force	: 2 Years	: 2 Months : 3
40	: HUYNH ANH DUNG	: 373	: 1949	: Sergeant 1st class 183.776	: Police	: 8 Years	: 3 Months : 3
41	: TRAN HUU NGHI	: 714	: 1948	: " : 68/140.701	: Mil Tech Directorate	: 7 Years	: 3 Days : 0
42	: NGUYEN VAN CUOC	: 397	: 1936	: " : 56/131.017	: mil Supply	: 10 Years	: 3 Days : 1
43	: NGO VAN TIEU	: 458	: 1956	: Sergeant : 76/126.396	: Mil Supply	: 1 Year	: 3 Days : 1
44	: DIEP BUU NGUYEN	: 701	: 7.3.52	: Cadet :	: Infantry School	: 6 Months	: 25 Months : 1
45	: NGUYEN VAN MINH	: 466	: 23.10.54	: " : 74/160.811	: Infantry School	: 4 Months	: 21 Days : 0
46	: KIM TUC	: 330	: 18.4.52	: Sergeant 1st Class 72/608.865	: AIR Force	: 6 Months	: 7 Days : 0
47	: HO VAN BUU	: 442	: 1937	: Engineer :	: Ministry of National Plan	: 16 Years	: 60 Months : 0
48	: HOANG LUONG	: 658	: 1943	: Civil servant : Admin Cau Rauh	: Air Force	: 10 Years	: 15 Months : 1
49	: VO THI VAN	: 919	: 9.4.45	: Graduate/Ma : 2160	: N.I.A	: 5 Years	: 20 Days : 2
50	: PHAM THE BE	: 527	: 1935	: Waitress :	: Military	: 4 Years	: : 0
51	: LAM QUOC ANH	: 1121	: 8.1.47	: Civil Servant	: Village Comic member	: 2 Years	: : :
52	: LE THANH TAN	: 1382	: 7.2.54	: Private : 74/651.238	: Air Force	: 1 Year	: 3 Days :
53	: THACH CHIEC	: 1034	: 1933	: Popular Force : 886.530	: Popular Force	: 15 Years	: 20 Months : 8
54	: THACH SOT	: 1071	: 15.6.27	: Corporal : 47/134.542	: Infantry	: 11 Years	: : :
55	: CHAU VAN TRO	: 1951	: 1951	: Civil servant :	: (N.I.A 2 Years)	: 1 Year	: 12 Months :

56 : CAO VAN GIANG	: 513	: 1953	: Civil Servant: 80/QD/HGX	: Second Vice Mayor	: 3 Years	: 6 Months	: 0
57 : NGUYEN THE HONG HUONG	: 736	: 1948	: Civil Servant:	: General Staff	: 2 Years	: 15 Days	: 3
58 : DUONG TRI NGUYEN PHUONG	: 347	: Unknow	: Civil Servant Economic Office	: Economic Office	: 3 Years	: 7 Days	: 1
59 : HONG CAM MAU	: 580	: 1945	: Private : 65/175.256	: Infantry	: 3 Years	: No. Reducation	: 0
60 : LE HOA PHONG	: 360	: 1945	: : 1235467	: Popular Force	: 5 Years	: 19 Days	: 1
61 : NGUYEN DINH QUI	: 738	: 1956	: Private : Unknow	: Regional Force	: 1 Years	: 3 Days	: 2
62 : DIEP VAN BINH	: 781	: 1922	: Private : 1330514	: Infantry	: 6 Years	: 3 Days	: 3
63 : TRAN DUC THINH	: 765	: 1957	: Private : Unknow	: Giang Tri Sector	: 1 Years	: 3 Days	: 3
64 : NGUYEN VAN KHANH	: 341	: 1955	: Private : unknow	: Military Police West	: 2 Years	: 5 Days	: 0
65 : PHU HUU MINH	: 881	: Unknow	: Private : APO/96336	: Special Force of USA	: 1 Year	: 0	: 6
66 : CHAU CAM THANH	: 973	: 1940	: Male Nurse : NG /375865	: Popular Force	: 3 Years	: 7 Days	: 9
67 : TRAN THANH BINH	: 1946	: 1946	: Sergeant : 66/384.990	: Police	: 7 Years	: 20 Months	: 6
68 : NGUYEN VAN HUNG	: 1947	: 19	: : 399.945	: Police	:	: 3 Days	:
69 : PHAM VAN HOP	: 478	: 1949	: Private : 69/162937	: Ranger	: 8 Years	: 26 Days	: 11 Ps
70 : LE NGOC OANH	: 987	: 1950	: Corporal : 70A/702.556	: Navy	: 5 Years, 7 Months, 3 Days	:	: 2 Ps
71 : DINH TIEN BO	: 524	: 1952	: Private : 72/601.698	: Air Force	: 6 Years	: 3 Days	: 0
72 : NGUYEN VAN LOI	: 498	: 1955	: Radar General Group 206/NDTV	: Damage Popula	: 3 Years	: 3 Days	: 4 Ps
73 : PHAM DINH LAP	: 477	: 107.1951	: Private 1 Class 71/133563	: Artillery	: 3 Years	: 1 MONTHS	: 20 Ps
74 : VU DUC THANH	: 1194	: 1955	: Corporal : 57/603681	: Air Force	: 3 Years	: 3 Days	: 2 Ps
75 : NGUYEN VAN HOANG	: 1195	: 1954	: Private : 74/601.307	: Air Force	: 3 Years	: 7 days	: 0
76 : HUYNH DUC KHOA	: 901	: 1955	: Private : 55/755.632	: Regional Force	: 2 Years	: 3 Months	: 0
77 : HUYNH VAN KHOE	: 847	: 1952	: Private : 72/144345	: Artillery	: 2 Years	: 7 Days	: 4
78 : NGUYEN KHOC HUY	: 717	: 1955	: " : 55/864075	: Regional Force	: 1 Years	: 3 Days	: 3
79 : NGUYEN KIM HOANG	: 1292	: 1958	: " : 78/108.752	: Marine Corp	: 2 YEARS	: 5 Days	: 3
80 : TRAN VAN THIENG	: 1193	: 1957	: " : 77/003.146	: Infantry	: 3 Months	: 3 Days	: 3
81 : HOA HAP TRU	: 413	: 1939	: Major Sergeant 59/700.332	: Navy Force	: 16 Years 15 Days	:	: 0
82 : VU VAN TUAN	: 544	: 1931	: 1st Sergeant: 51/307.636	: Ranger	: 15 Years	: 90 Months	: 0
83 : NGUYEN THE DUNG	: 958	: 1945	: Sergeant 1st:	: Policewoman	: 8 Years	: 2 Months	: 1
84 : DOAN PHUOC NGUYEN	: 657	: 1948	: Sergeant 1st 201993	: Police	: 15 Years	: 3 Months	: 1
85 : LIU HUU VAN	: 334	: 1953	: 1st Private : 53/675.782	: Regional Force	: 11 Years	: 15 Days	: 0

86 : VU LAI	:489	: 1928	: Private	: 300939	: MilitaryPolice work 11 Years	:	: 2
87 : VO NGOC DIEP	:726	:1952	: Private	: 72/527.687	: Infantry	: 4 Years	: 0
88 : NGUYEN VAN VO	: 801	:1952	:Private 1st	: 72/702.681	: Navy Force	: 5 Years	: 0
89 : NGUYEN THANH SON	: 515	: 1955	: Private 1st	: 75/608.120	: Air Force	: 3 Years	: 0
90 : LE THI XUAN	: 705	:1951	: Civil Servant	:	:	: 5 Years 4 MONTHS 10 Days	: 0
91 : Vu THANH HOAN	: 681	:1949	: G.R.C. Civil Servant	: PR#2092	: Worldwide. DC/DaeUSA 18 Years	:	: 1
00 : TOTAL 91 PERSONS	(: 1st-2ND	: Scrummy0) ?:					

PHANAT NIKHOM CAMP

LIST OF VETERANS, EX- CIVIL SERVANTS AND EX-CADRES

"D" SECTION

(FIRST OUT-2 ND OUT)

ORDER	FULL NAMES	UN/ NO	DOB	RANK	SERIAL NO	MILITARY BRANG	SERVICE TIME	RE-ED- TIME	RELATIVES
01	TON THAT XUAN	1257	1942	1st LT	12/08.160	Regional Force	45 YEARS	16 MONTHS	0 Month
02	LE VAN VAN	631	1938	1st LT	58/148.816	INFANTRY	10 YEARS	27 Months	1
03	CHAU QUYEN	706	1949	"	69/115.453	SECTOR	12 YEARS	63 Months	2
04	NGUYEN DUC SANG	984	1944	"	64/141589	Mil-trans portation	7 Years	33 Months	0
05	LY TAN TAI	727	1940	"	60/809809	Medical corp	14 Years	12 Months	0
06	LE VAN UT	951	1943	2ND-LT	157.708	Police	8 Years	60 Months	2
07	BO HUU TRI	960	06.3.46	"	124433	Police	9 Years	62 Months	5
08	PHAN THUAN VINH	601	27.12.53	"	73-147.327	Regional Force	3 Years	6 Months	2
09	PHAN C I THIEN	327	03.01.45	"	45/246.410	"	7 Years	3 Days	6
10	HA ANH DUNG	802	1949	W.O	69/142.182	AirBorne	8 Years	18 Months	0
11	NGUYEN NGOC KHUONG	507	1952	"	71/134.299	Infantry	5 Years	3 Days	0
12	NGUYEN VAN BA	600	1955	Cadet	"	Police Cadet	6 MONTHS	1 Month	3
13	HUYNH TU PHUONG	792	1944	Major Sergeant	64/600.204	Air Force	13 Years	60 Months	0
14	TRAN VAN NHA	8394	3.5.23	Sergeant 1st Class	90.15	Police	18 Years	"	3
15	NGUYEN KHANH THO	1360	22.11.45	"	65/601.739	Air Force	15 Years	3 Days	0
16	NGO VAN CAM	1135	15.6.46	"	66/101.141	Infantry	9 Years	1 Month	5
17	TRINH VAN TAO	117	04.5.42	"	62A/702.852	Navy	13 Years	15 Days	1
18	NGUYEN VAN THAM	1510	1948	"	68/147.437	Mil. Tech Directorate	8 Years	83 Days	3 Days
19	NGUYEN THE HIEU	525	1948	"	68/100.153	MilTelecom	6 Years	"	0
20	PHAM VAN THANH	0669	3.3.54	Sergeant	74/116.454	Infantry	3 Years	2 Months	5
21	NGUYEN VAN THUC	0573	1.2.49	"	69/120.979	"	8 Years	5 Days	1
22	LE VAN HIEU	1331	1954	Seryeant	76/131.520	INfantry	1 Year	3 Days	0
23	NGUYEN DI CU	0890	25.8.54	"	74/125.858	Marine Corps	4 Years	6 Months	0
24	HO XUAN LOC	902	1951	"	71/126.360	Medical Corps	5 Years	3 Days	0
25	NGUYEN NGOC LAN	851	1952	Sergeant 10/2 Class	52/465.366	Regional Force	5 Years	3 Days	7

26	: DINH QUANG MINH	: 180	: 1955	: Sergeant	: Mil Tele Com	: 2 Years	: 3
27	: NGO DAU	: 606	: 1942	: Sergeant 1st Class 170028	: Police	: 8 Years	: 3 Months : 0
28	: HUA TRAC CUONG	: 503	: 1951	: " : Infantry	: Infantry	: 6 Years	: 1 Month : 1
29	: PHAM VAN TTEU	: 874	: 1933	: " : 362.794	: Police	: 19 Years	: 3 Days : 4
30	: DO VAN THONG	: 917	: 1955	: Sergeant : 75/117.539	: Infantry	: 2 Years	: 4 Months 3 days 0
31	: DANG HUU DANH	: 704	: 1940	: Sergeant 1st Class 60/122.794	: Mil Finance-Adman	: 10 Years	: 14 Months : 0
32	: LE VAN MINH	: 1108	: 1956	: Siroir : 76/602.693	: Air Force	: 1 Year	: 3 Months : 0
33	: PHAM VAN THEM	: 1063	: 1951	: " : 71A/700.772	: Navy	: 7 Years	: 3 Months : 2
34	: VU VAN CUONG	: 737	: 1955	: " : 75/02.662	: Air Force	: 3 Years	: 7 Months : 6
35	: LE VAN NHIEU	: 668	: 1953	: Corporal : 73/509.517	: Artillery	: 4 Years 4	: 4 Months : 1
36	: NGUYEN DINH HIEU	: 116	: 1944	: Corporal 1st : 64/104.075	: Mil Telecom	: 10 Years	: 5 Days : 2
37	: NGUYEN VAN KIEU	: 573	: 15.6.51	: Corporal : 71/512.026	: M.P Military Police	: 6 Years	: 30 Days : 1
38	: DINH VAN CUU	: 1322	: 28.12.47	: " : 67/808.138	: Mil Telecom	: 6 Years	: 3 Days : 0
39	: NGUYEN TAN PHO	: 476	: 1955	: Sergeant : 75/510.586	: Regional Force	: 2 Years	: 2 Months : 3
40	: HUYNH ANH DUNG	: 373	: 1949	: Sergeant 1st class 183.776	: Police	: 8 Years	: 3 Months : 3
41	: TRAN HUU NGHI	: 714	: 1948	: " : 68/140.701	: Mil Tech Directorate	: 7 Years	: 3 Days : 3 Days
42	: NGUYEN VAN CUOC	: 397	: 1936	: " : 56/131.017	: mil Supply	: 10 Years	: 3 Days : 1
43	: NGO VAN TIEU	: 458	: 1956	: Sergeant : 76/126.396	: Mil Supply	: 1 Year	: 3 Days : 1
44	: DIEP BUU NGUYEN	: 701	: 7.3.52	: Cadet	: Infantry School	: 6 Months	: 25 Months : 1
45	: NGUYEN VAN MINH	: 466	: 23.10.54	: " : 74/160.811	: Infantry School	: 4 Months	: 21 Days : 0
46	: KIM TUC	: 330	: 18.4.52	: Sergeant 1st Class 72/608.865	: Air Force	: 6 Months	: 7 Days : 0
47	: HO VAN BUU	: 442	: 1937	: Engineer	: Ministry of National Plan	: 16 Years	: 60 Months : 0
48	: HOANG LUONG	: 658	: 1943	: Civil servant : Admin Cau Rauh	: Air Force	: 10 Years	: 15 Months : 1
49	: VO THI VAN	: 919	: 9.4.45	: Graduate/Ma : 2160	: M.I.A	: 5 Years	: 20 Days : 2
50	: PHAM THI BE	: 527	: 1935	: Waitress	: Military	: 4 Years	: - : 0
51	: LAM QUOC ANH	: 1121	: 8.1.47	: Civil Servant	: Village Comic member	: 2 Years	: : :
52	: LE THANH TAN	: 1382	: 7.2.54	: Private : 74/651.238	: Air Force	: 2 Years	: 3 Days : :
53	: THACH CHIEC	: 1034	: 1933	: Popular Force : 886.530	: Popular Force	: 15 Years	: 20 Months : 8
54	: THACH SOT	: 1071	: 15.6.27	: Corporal : 47/134.542	: Infantry	: 11 Years	: : :
55	: CHAU VAN TRO	: 1951	: 1951	: Civil servant	: (N.I.A 2 Years)	: 1 Year	: 12 Months : :

56 : CAO VAN GIANG	: 513	: 1953	: Civil Servant: 80/QD/BGX	: Second Villidley	: 3 Years	: 6 Months	: 0
57 : NGUYEN THE HONG HUONG	: 736	: 1948	: Civil Servant:	: General Staff	: 2 Years	: 15 Days	: 3
58 : DUONG THI NGUYET PHUONG	: 347	: Unknow	: Civil Servant Economic Office	: Economic Office	: 3 Years	: 7 Days	: 1
59 : HONG CAM MAU	: 580	: 1943	: Private : 65/175.256	: Infantry	: 3 Years	: No. Reducation	: 0
60 : LE HOA PHONG	: 360	: 1943	: : 235467	: Popular Force	: 5 Years	: 19 Days	: 1
61 : NGUYEN DINH QUI	: 738	: 1956	: Private : Unknow	: Regional Force	: 1 Years	: 3 Days	: 2
62 : DIEP VAN SINH	: 781	: 1922	: Private : 330514	: Infantry	: 6 Years	: 3 Days	: 3
63 : TRAN DUC THINH	: 765	: 1957	: Private : Unknow	: Giang Tri Sector	: 1 Years	: 2 Days	: 3
64 : NGUYEN VAN KHANH	: 341	: 1955	: Private : unknow	: Military Police West	: 2 Years	: 5 Days	: 0
65 : PHU HUU MINH	: 881	: Unknow	: Private : APO/96336	: Special Force of USA	: 1 Year	: 0	: 6
66 : CHAU CAM THANH	: 973	: 1940	: Male Nurse : NG /375863	: Popular Force	: 3 Years	: 7 Days	: 9
67 : TRAN THANH BINH	: 1946	: 1946	: Sergeant : 66/384.990	: Police	: 7 Years	: 20 Months	: 6
68 : NGUYEN VAN HUNG	: 1947	: 19	: : 399.943	: Police	:	: 3 Days	:
69 : PHAM VAN HOP	: 478	: 1949	: Private : 69/162937	: Ranger	: 8 Years	: 26 Days	: 11 Po
70 : LE NGOC OANH	: 987	: 1950	: Corporal : 70A/702.536	: Navy	: 5 Years, 7 Months, 3 Days	:	: 2 Po
71 : DINH TIEN BO	: 524	: 1952	: Private : 72/601.698	: Air Force	: 6 Years	: 3 Days	: 0
72 : NGUYEN VAN LOI	: 498	: 1955	: Radar General Group 206/NDTV	: Disguise Popula	: 3 Years	: 3 Days	: 4 Po
73 : PHAM DINH LAP	: 477	: 107.1951	: Private 1 Class 71/135563	: Artillery	: 3 Years	: 1 Months	: 20 Po
74 : VU DUC THANH	: 1191	: 1955	: Corporal : 57/603681	: Air Force	: 3 Years	: 3 Days	: 2 Po
75 : NGUYEN VAN HOANG	: 1195	: 1954	: Private : 74/601.307	: Air Force	: 3 Years	: 7 days	: 0
76 : HUYNH DUC KHOA	: 901	: 1955	: Private : 55/755.632	: Regional Force	: 2 Years	: 3 Months	: 0
77 : HUYNH VAN KHOR	: 847	: 1952	: Private : 72/144343	: Artillery	: 2 Years	: 7 Days	: 4
78 : NGUYEN NHOC HUY	: 717	: 1955	: " : 55/864075	: Regional Force	: 1 Years	: 3 Days	: 3
79 : NGUYEN KIM HOANG	: 1292	: 1958	: " : 78/108.752	: Marine Corp	: 2 Months	: 5 Days	: 3
80 : TRAN VAN THIENG	: 1193	: 1957	: " : 77/003.146	: Infantry	: 3 Months	: 3 Days	: 3
81 : HOA HAP TRU	: 413	: 1939	: Major Sergeant 59/700.332	: Navy Force	: 16 Years 15 Days	:	: 0
82 : VU VAN TUAN	: 344	: 1931	: 1st Sergeant: 51/307.636	: Ranger	: 15 Years	: 20 Months	: 0
83 : NGUYEN THE DUNG	: 958	: 1945	: Sergeant 1st:	: Policewoman	: 8 Years	: 2 Months	: 1
84 : DOAN PHUOC NGUYEN	: 657	: 1948	: Sergeant 1st 201993	: Police	: 5 Years	: 3 Months	: 1
85 : LIU HUU VAN	: 334	: 1953	: 1st Private : 53/675.782	: Regional Force	: 11 Years	: 15 Days	: 0

86 : VU LAI	:489	: 1928	: Private	: 300939	: MilitaryPolice work 11 Years	:	: 2
87 : VO NGOC DIEP	:726	:1952	: Private	: 72/527.687	: Infantry	: 4 Years	: 0
88 : NGUYEN VAN VO	: 801	:1952	:Private 1st	: 72/702.681	: Navy Force	: 5 Years	: 0
89 : NGUYEN THANH SON	: 515	: 1955	: Private 1st:	: 75/608.120	: Air Force	: 3 Years	: 0
90 : LE THI XUAN	: 705	:1951	: Civil Servant	:	: 5 Years	: 4 MONTHS 10 Days	: 0
91 : Vu THANH HOAN	: 681	:1949	: G.R.C. Civil Servant.	: PR#2092	: Worldwide. DC/DacUSA	: 18 Years	: 1
99 : TOTAL 91 PERSONS	(: 1st-ZND	: Scrummy?) ?:					